

Số: 1455 /QĐ-UBND

Mỹ Hào, ngày 22 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư TDP Bùi, Dâu

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ HÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ liệu quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định về phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND phường Mỹ Hào về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư TDP Bùi, Dâu;

Căn cứ Công văn số 311/ KT,HT&ĐT ngày 20/8/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư TDP Bùi, Dâu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Mỹ Hào tại Tờ trình số 499/TTr-KT,HT&ĐT ngày 22/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư TDP Bùi, Dâu với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư TDP Bùi, Dâu.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án Nhóm C; Công trình hạ tầng kỹ thuật; Cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Mỹ Hòa.

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Mỹ Hòa.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Ecodesign.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và công nghệ ATP.

7. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư dự án nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cao năng lực thoát nước; góp phần xây dựng cảnh quan đô thị văn minh, sạch đẹp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thông qua việc đầu tư dự án góp phần từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đô thị, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, bảo đảm an toàn trong sinh hoạt và đi lại của Nhân dân; phù hợp với định hướng phát triển phường Mỹ Hòa theo hướng đô thị hiện đại, sinh thái, tăng cường khả năng tiêu thoát nước, cải thiện chất lượng môi trường sống, thích ứng với biến đổi khí hậu.

8. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu.

8.1. Quy mô đầu tư:

Tổng chiều dài các tuyến cải tạo là 346,7m. Gồm các tuyến: Tuyến 1 TDP Bùi (nay là TDP Dâu Bùi) có chiều dài 271,48m, điểm đầu giao ngã ba nhà ông Bách, điểm cuối giao ngã ba nhà ông Bộc. Tuyến 2 TDP Dâu (nay là TDP Dâu Bùi) chiều dài 75,22m, điểm đầu giao ngã ba nhà ông Sách, điểm cuối giao ngã tư nhà ông Thương.

- Về thoát nước:

+ Tuyến 1: Thay thế rãnh xây B300 hiện trạng bằng cống BTCT BxH=800x800; tổng chiều dài 262,7m (đã trừ ga chiếm chỗ).

+ Tuyến 2: Nạo vét toàn bộ đất, cát dưới đáy mương hiện trạng bên trái tuyến, chiều dài mương nạo vét L=75,22 m.

+ Thiết kế rãnh BTCT B400 thu nước từ các ngõ vào hệ thống cống làm mới với tổng chiều dài 10m.

- Về cải tạo, hoàn trả mặt đường: Đường giao thông nông thôn cấp C. Vận tốc thiết kế $V_{tk}=15\text{km/h}$. Tải trọng trục thiết kế $P_{tk}=10\text{T}$. Kết cấu áo đường: Mặt đường BTNC.

8.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Hệ thống thoát nước:

- Tuyến 1: Thiết kế mới bằng cống hộp BTCT BxH= 800x800 dọc tuyến.
- Tuyến 2: Nạo vét toàn bộ đất, cát dưới đáy mương hiện trạng bên trái tuyến, chiều dài mương nạo vét L=75,22 m.
- Các nhánh rẽ: Tại các vị trí ngõ tuyến 1 bổ sung các đoạn rãnh BTCT B400 để thu gom nước mưa, nước thải từ các ngõ và đầu nối về trục cống chính.
- + Kết cấu cống dọc: Thân cống bằng BTCT M250 tải trọng HL93. Móng cống bằng BTXM M150 đá 2x4 dày 10cm trên lớp đệm đá mặt dày 10cm. Mỗi xấp, mặt ngoài quét nhựa đường và quấn vải địa kỹ thuật cường độ kéo 12kN/m rộng 0,4m.
- + Kết cấu rãnh dọc: Thân rãnh & Tấm đan: Sử dụng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn. Móng bằng lớp BTXM M150 dày 10cm. Mỗi nối bằng vữa xi măng M150; bên ngoài quét nhựa đường chống thấm và quấn vải địa kỹ thuật 12 kN/m rộng 0,4m.
- + Kết cấu hố ga: Tường ga xây gạch không nung VXM M75, trát mặt trong bằng VXM M75 dày 1,5cm. Móng ga bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn, đặt trên lớp đệm đá mặt dày 10cm. Nắp ga BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn, kết hợp nắp gang tải trọng 25T có khe hở để thu nước. Giằng cổ ga bằng BTCT M250 đá 1x2 đổ tại chỗ.

b) Hoàn trả mặt đường:

- Thiết kế bình đồ: Hướng tuyến bám sát theo hướng tuyến hiện trạng, tận dụng tối đa mặt đường hiện tại. Tại các vị trí tuyến giao cắt với đường rẽ ngang (đường vào khu dân cư, đường ngõ xóm,...), thiết kế vuốt nối vào mặt đường cũ êm thuận.
- Thiết kế trắc dọc: Thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu, phù hợp địa hình xung quanh và êm thuận.
- + Tuyến 1: Cao độ tim cọc thiết kế từ +3,00m đến +3,22m.
- Thiết kế kết cấu áo đường:
- + Kết cấu đường hoàn trả: Lớp mặt bê tông nhựa C16 dày 7cm. Tưới thấm bảm bằng nhũ tương nhựa đường axit Css-1, TC 1,0kg/m². Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, $D_{max}=25$, đầm chặt K98. Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 18cm, $D_{max}=37,5$, đầm chặt K98. Lớp cát đen đầm chặt K98 dày 30cm.
- + Kết cấu đường phạm vi trên đỉnh cống: Lớp mặt bê tông nhựa C16 dày 7cm. Tưới thấm bảm bằng nhũ tương nhựa đường axit Css-1, TC 1,0kg/m². Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, $D_{max}=25$, đầm chặt K98. Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 18cm, $D_{max}=37,5$, đầm chặt K98. Lớp cát đen đầm chặt K.98 dày 30cm. Lớp đất đắp móng cống K95.

(Chi tiết được thể hiện trong hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt).

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Khảo sát, thiết kế:

- Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN;
- Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2018
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;

- Đường đô thị - yêu cầu thiết kế TCVN 13592:2022;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN-07-2023/BXD - Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4252:2012 Quy trình thiết kế lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công; Các quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

b) Thi công và nghiệm thu:

- TCCS 14:2016/TCĐBVN: Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường đang khai thác)

- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9361:2012 Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9115:2019 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13567-1: 2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- TCVN 170:2022 Kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu;

Các quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

Trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn nêu trên đã được sửa đổi, thay thế thì áp dụng theo văn bản thay thế còn hiệu lực.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	2.607.237.000	đồng
+ Chi phí Quản lý dự án:	68.526.000	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	224.418.000	đồng
+ Chi phí khác:	40.404.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	59.415.000	đồng

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai theo nội dung Điều 1 của Quyết định này và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý dự án, quản lý chất lượng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường, Kho bạc Nhà nước khu vực IV - Phòng giao dịch số 2 và Thủ trưởng các ngành, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, KT, HT&ĐT *nh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Tuấn